TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-PT
Ngày: 21 – 02 – 2019
V/v tranh chấp yêu cầu
thực hiện nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Mai Thiện Kế.

Ông Phạm Hùng Nuôi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp A, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng *(Có mặt)*.

Người đại diện hợp pháp của bà Bùi Thị N: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp A, xã V, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng *(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 24/9/2018).* Bà D vắng mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Quách Kim V, sinh năm 1972 *(Có mặt)*.

2. Bà Trịnh Thị U, sinh năm 1973 *(Có mặt)*.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp L, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Ông Quách Kim V là bị đơn.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Trong đơn khởi kiện ngày 03/5/2018 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày*:

Vào ngày 03/02/2015, vợ chồng ông Quách Kim V và bà Trịnh Thị U có hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà Bùi Thị N có diện tích 92,6m^2 thuộc thửa số 800, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại Ấp L, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng với giá 264.000.000 đồng. Đến ngày 14/02/2015 bà Bùi Thị N được cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục sang tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Tuy nhên, đến ngày 27/3/2017, bà Bùi Thị N chuyển nhượng lại thửa đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông Quách Kim V và bà Trịnh Thị U với giá cũ là 264.000.000 đồng. Vào ngày 07/4/2017, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã lập thủ tục sang tên quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho vợ chồng ông Quách Kim V và bà Trịnh Thị U. Nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do vợ chồng ông Quách Kim V và bà Trịnh Thị U trả tiền cho bà N số tiền 200.000.000 đồng và còn nợ lại 64.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Quách Kim V và bà Trịnh Thị U phải có nghĩa vụ trả số tiền 60.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất do chậm thanh toán.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bị đơn Quách Kim V và Trịnh Thị U trình bày*:

Ông Quách Kim V và bà Trịnh Thị U cho rằng số tiền 60.000.000 đồng mà vợ chồng ông V, bà U thiếu bà N là tiền lãi do vợ chồng ông V, bà U cầm cố căn nhà gắn liền với thửa đất nêu trên cho bà N, chứ không phải chuyển nhượng nhà và đất như bà N trình bày. Ông V và bà U cho rằng có vay tiền của bà N nhưng do thời gian đã lâu không nhớ rõ vốn lãi là bao nhiêu. Sau khi ông V và bà U lấy lại căn nhà hai bên thống nhất số tiền ông V và bà U còn nợ bà N là 260.000.000 đồng. Sau đó, ông V và bà U đã trả cho bà N được 200.000.000 đồng, còn nợ lại 60.000.000 đồng thì chưa có khả năng thanh toán.

Nay ông Quách Kim V và bà Trịnh Thị U thừa nhận còn nợ bà N số tiền 60.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà N. Tuy nhiên, hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi con bị bại liệt, nên ông V và bà U xin trả cho bà N mỗi tháng với số tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 08/11/2018 đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; các Điều 144; 146; 147; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 274, 275 và 280; khoản 1 Điều 288 Bộ luật Dân sự; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị N đối với các bị đơn ông Quách Kim V và bà Trịnh Thị U.

2. Buộc các bị đơn ông Quách Kim V và bà Trịnh Thị U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị N số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Bùi Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, ông Quách Kim V và bà Trịnh Thị U chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất 10%/năm *(Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự)* đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2018, nguyên đơn ông Quách Kim V có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N sau khi tính lại mức lãi suất đối với số tiền 60.000.000 đồng cho đúng quy định của Nhà nước, đồng thời đề nghị giải quyết cho vợ chồng ông trả mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Quách Kim V không rút đơn kháng cáo và cho rằng vợ chồng ông chỉ cầm cố quyền sử dụng đất cho bà N để lấy số tiền 50.000.000 đồng, lãi 10%/tháng, do không có khả năng trả nên lãi gộp vốn cộng thành số tiền 120.000.000 đồng, cùng lúc đó bà N làm giấy cầm cố nhà số tiền 120.000.000 đồng, điều kiện sau hai năm lãi cộng vốn thành 264.000.000 đồng; nay ông không đồng ý trả một lần, yêu cầu được trả mỗi tháng 2.000.000 đồng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông V và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử *(HĐXX)* nhận định:

[1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D vắng mặt lần thứ hai nhưng có nguyên đơn bà Bùi Thị N tham gia phiên tòa, nên HĐXX căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của ông Quách Kim V là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều

273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông Quách Kim V về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST, ngày 08/11/2018 của TAND thị xã Vĩnh Châu theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N sau khi tính lại mức lãi suất đối với số tiền 60.000.000 đồng cho đúng quy định của Nhà nước. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, phía nguyên đơn có cung cấp giấy mua bán quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do bà N chuyển nhượng cho vợ chồng ông V, bà U với giá chuyển nhượng là 264.000.000 đồng *(Bút lục số 08)*, đồng thời tại hòa giải cơ sở *(Bút lục số 10)* và hòa giải tại Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu *(Bút lục số 45)* ông V, bà U đều xác định có nhận chuyển nhượng nhà từ bà N với giá 264.000.000 đồng, đã trả trước số tiền 200.000.000 đồng còn thiếu lại 64.000.000 đồng, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông V cho rằng vợ chồng ông chỉ cầm cố quyền sử dụng đất cho bà N để lấy số tiền 120.000.000 đồng, lãi 05%/tháng, do không có khả năng trả nên lãi gộp vốn hai năm cộng thành số tiền 264.000.000 đồng; ngoài lời trình bày ra thì ông V không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp; còn nguyên đơn thì không đồng ý với lời trình bày của ông V. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm ông V và bà U thừa nhận có ký tên vào hợp đồng mua bán nhà đất năm 2015 do ông bà chuyển nhượng cho bà N và hợp đồng mua bán nhà đất năm 2017 do bà N chuyển nhượng cho ông bà, hiện nay còn thiếu lại bà N số tiền 60.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông V và bà U có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền 60.000.000 đồng là phù hợp, vì vậy ông V kháng cáo yêu cầu tính lại lãi suất đối với số tiền 60.000.000 đồng là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của ông Quách Kim V về việc đề nghị giải quyết cho vợ chồng ông trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ lãi. Xét thấy, lời đề nghị xin trả 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ lãi, việc này không được nguyên đơn đồng ý, nên không có căn cứ để chấp nhận, HĐXX chỉ tuyên buộc ông V, bà U có trách nhiệm liên đới trả cho bà N tổng số tiền còn thiếu theo quy định của pháp luật; còn việc mỗi tháng trả bao nhiêu sẽ được thỏa thuận tiếp tại giai đoạn thi hành án.

[5] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị đơn ông Quách Kim V là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của bị đơn ông Quách Kim V không được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông V và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Quách Kim V.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2018/DS-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Án tuyên như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị N đối với các bị đơn ông Quách Kim V và bà Trịnh Thị U.

- Buộc các bị đơn ông Quách Kim V và bà Trịnh Thị U phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị N số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Bùi Thị N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Quách Kim V và bà Trịnh Thị U còn phải trả lãi cho bà N theo mức lãi suất 10%/năm (Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015), đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Quách Kim V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004012 ngày 26/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, xem như ông V đã nộp đủ tiền án phí.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn